TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TH** **TỈNH HD**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14/02/2025

V/v: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH, TỈNH HD

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thành, bà Bùi Thị Vân

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Bốn - Thư ký Toà án nhân dân huyện TH, tỉnh HD.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện huyện TH, tỉnh HD tham gia phiên toà**: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2024/TLST-HNGĐ ngày 30/10/2024 về việc: "Ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thanh D, sinh năm 1995, (vắng mặt).

Cư trú tại: thôn Du La, xã Cẩm Chế (nay là xã Cẩm Việt), huyện TH, tỉnh HD

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Cư trú tại: Thôn Thiện Trang, xã Thanh Xuân, huyện TH, tỉnh HD

- Người làm chứng: Bà Hoàng Thị Xuyền, sinh năm 1972; Cư trú tại: Thôn Thiện Trang, xã Thanh Xuân, huyện TH, tỉnh HD (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thanh D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức H tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Xuân, huyện TH, tỉnh HD ngày 04/12/2015. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận được thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh H mải chơi không tu chí làm ăn, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 đến tháng 4/2023 chị đã bỏ về nhà đẻ sinh sống tại thôn Nhân Lư, xã Cẩm Chế (nay là xã Cẩm Việt). Gia đình hai bên có khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đức Nhật M, sinh ngày 16/4/2016, hiện nay con đang ở cùng anh H và ông bà nội. Chị D đề nghị tiếp tục để con cho anh H nuôi dưỡng, chị có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh H theo quy định của Pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị D tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đức H đã được giao hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án, không trình bày quan điểm của mình.

Người làm chứng bà Hoàng Thị X (mẹ đẻ anh H) trình bày: Về điều kiện và thời gian kết hôn đúng như chị H trình bày. Bà xác định sau ngày cưới anh chị Dung H về ăn ở sinh sống cùng ông bà một thời gian sau đó anh chị thuê nhà ở riêng tại Hà Nội, tại đây do làm ăn khó khăn nên anh chị lại về quê sinh sống cùng ông bà. Tháng 7/2024, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, anh H nóng giận có đập điện thoại, chị D đã bỏ về nhà đẻ, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Gia đình hai bên có khuyên bảo nhưng không thành, anh H làm nghề lái máy xúc theo công trình, bà nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh H, anh H mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không đến Tòa án trình bày quan điểm. Về con

chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Đức Nhật M, sinh ngày 16/4/2016 hiện con đang ở cùng bà và anh H, thông qua bà anh H nhất trí nuôi con và yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh H tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn đề nghị xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh HD phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tham gia tố tung. Đề nghị áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 56 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho chị Lê Thanh D ly hôn anh Nguyễn Đức H, Về con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn Đức Nhật M, sinh ngày 16/4/2016 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị D cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của Pháp luật. Tài sản chung, nợ chung, công sức: Không giải quyết. Về án phí: Chị D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử, nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xử vắng mặt, bị đơn, người làm chứng đều đã được giao trực tiếp các văn bản tố tụng và đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên, bị đơn và người làm chứng.

[2] Về hôn nhân: Anh chị Lê Thanh D và Nguyễn Đức H tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Thanh Xuân, huyện TH, tỉnh HD ngày 04/12/2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm

sống. Hai bên không quan tâm trách nhiệm với nhau, chị D đã về nhà đẻ ở từ khoảng tháng 4/2024, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D và Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện TH. Xử cho chị Lê Thanh D ly hôn anh Nguyễn Đức H.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Đức Nhật M, sinh ngày 16/4/2016 hiện nay con đang ở cùng anh H và ông bà nội. Xét thấy cháu M đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng ở với anh H. Anh H không có bản tự khai nhưng thông qua bà X (mẹ đẻ) có nguyện vọng nuôi con, có sự hỗ trợ chăm sóc của bà X. Chị D nhất trí để con cho anh Hiền nuôi và tự nguyện cấp dưỡng theo quy định của Pháp luật. Như vậy việc giao con cho anh H tiếp tục nuôi đã đảm bảo mọi quyền lợi của con và phù hợp với nguyện vọng của cháu M. Cần tiếp tục giao con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, chị D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con không dưới ½ tháng lương tối thiểu vùng trong địa bàn huyện TH, tỉnh HD tại thời điểm xét xử sở thẩm là 3.860.000đ/tháng. Như vậy mức cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.930.000đ/tháng, kể từ tháng 03/2025 đến khi con thành niên 18 tuổi. Chị D được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị D tự nguyện không yêu cầu giải quyết, HĐXX không giải quyết. Nếu sau này chị D và anh H có tranh chấp về tài sản mà có đơn yêu cầu khởi kiện. Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5]. Về án phí: Chị D có đơn xin ly hôn không thuộc diện được miễn giảm án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83; 115, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao; Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thanh D ly hôn anh Nguyễn Đức H.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đức Nhật M, sinh ngày 16/4/2016 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị Lê Thanh D tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con số tiền 1.930.000/tháng, kể từ tháng 03/2025 đến khi con thành niên đủ 18 tuổi. Chị D được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành không thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Về án phí: Chị Lê Thanh D phải chịu 300.000^{đ} án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000^{đ} theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án BLTU/23, số 0005924 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH, tỉnh HD. Chị D còn phải nộp số tiền 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TH;
- Chi cục THADS huyện TH;
- UBND xã TX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hoài